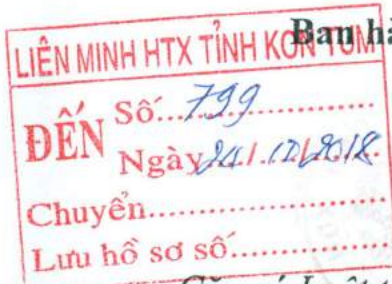


Số: 29 /2018/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 22 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Kon Tum**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 và thay thế Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban ngành, mặt trận, hội, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cụm, khối thi đua của tỉnh; các cơ quan đơn vị Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (*Cục Kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các thành viên HĐĐKT tỉnh;
- Báo Kon Tum, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chi Cục Văn thư- Lưu trữ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH_{Th} *ne*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số **29** /2018/QĐ-UBND
ngày **22** tháng **10** năm **2018** của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về:

1. Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng.
2. Mục tiêu, hình thức, nội dung và trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua.
3. Tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục, quy trình, thời gian xét đề nghị các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.
4. Xét, đề nghị khen thưởng cấp nhà nước.
5. Hiệp y khen thưởng.
6. Quỹ thi đua, khen thưởng.
7. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng.
8. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh.
2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh.
4. Cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.
5. Thành viên cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.
6. Nhân dân tỉnh Kon Tum.

7. Tập thể và cá nhân ở các địa phương khác; người Việt Nam đang sinh sống, làm việc và học tập ở nước ngoài; người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích và công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, trên cơ sở đảm bảo tinh thần đoàn kết và phát triển. Phát động phong trào thi đua phải gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và phải xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua cụ thể. Các tập thể, cá nhân tham gia phong trào thi đua phải có đăng ký thi đua, việc xét tặng các danh hiệu thi đua sẽ căn cứ vào nội dung đăng ký thi đua, kết quả thực hiện các chỉ tiêu thi đua hàng năm.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Việc xét khen thưởng thực hiện theo nguyên tắc chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; phạm vi ảnh hưởng của thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được xem xét, đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

2. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (*công nhân, nông dân, chiến sĩ và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác*).

3. Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (*khen hàng năm*), được quy định như sau:

a) Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là tập thể thuộc chi bộ, đảng bộ được cấp ủy đảng có thẩm quyền công nhận đảng bộ, chi bộ “*Trong sạch vững mạnh*” hàng năm;

b) Cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phải được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có thẩm quyền (*theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử ban hành kèm theo Quyết định số 950-QĐ/TU ngày 11/4/2018 của Tỉnh ủy Kon Tum*) đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm.

4. Không xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng đối với cá nhân đang bị kỷ luật; chưa xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng đối với cá nhân đang xem xét kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra theo đơn thư tố cáo, phản ánh.

5. Việc khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Bộ, ban ngành, tỉnh (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động), đoàn thể Trung ương phát động được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Việc khen thưởng được thực hiện khi Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương có kế hoạch sơ kết, tổng kết phong trào thi đua;

b) Việc khen thưởng chỉ thực hiện khi các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương tham gia phong trào thi đua có kế hoạch tổ chức phong trào thi đua, có đăng ký các chỉ tiêu thi đua, hình thức khen thưởng cụ thể; hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện qua Cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) theo dõi, tổng hợp;

c) Việc xét khen thưởng căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch được giao; đối tượng khen thưởng ưu tiên ở cơ sở và cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất, công tác;

d) Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng thành tích toàn diện, không tính làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước.

6. Không tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các tập thể, cá nhân khi:

a) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định mà không có kế hoạch sơ, tổng kết của Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

b) Phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn,... và thực hiện nhiệm vụ theo chức năng của cơ quan, đơn vị được giao.

7. Việc khen thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm); có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong toàn ngành, toàn tỉnh, toàn quốc được cơ quan có thẩm quyền trình khen thưởng công nhận và đề nghị khen thưởng ngay sau khi lập được thành tích.

8. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương tham gia cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức được xét, đề nghị tặng Danh hiệu "Cờ Thi đua của Chính phủ" hoặc được xét tặng "Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh", Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua bình xét của cụm, khối thi đua và do cụm, khối thi

đua (đối với cụm, khối thi đua các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, các huyện, thành phố), Thủ trưởng các sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đối với cụm, khối thi đua đơn vị thuộc, trực thuộc) đề nghị hàng năm; không xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nêu trên theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

9. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

10. Không xét khen thưởng hoặc hiệp y khen thưởng (trừ trường hợp có thành tích đột xuất) khi không có hướng dẫn khen thưởng của cơ quan, đơn vị phát động phong trào thi đua và trong trường hợp:

a) Cơ quan, đơn vị không tham gia cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức, không tổ chức phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị;

b) Cá nhân không đăng ký thi đua, không tham gia phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị tổ chức.

Điều 5. Tỷ lệ công nhận danh hiệu thi đua và xét khen thưởng

1. Tỷ lệ cá nhân được công nhận Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" không quá 15% tổng số cá nhân đạt Danh hiệu "Lao động tiên tiến" của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

2. Đối với phong trào thi đua trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng ... của tỉnh:

a) Đối với phong trào thi đua do tỉnh Kon Tum phát động hoặc do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh tổ chức phát động nhưng có thời gian từ 03 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có thẩm quyền trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo tỷ lệ không quá 10% tập thể, 5% cá nhân có thành tích xuất sắc đạt đủ điều kiện xét khen thưởng. Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được xem xét đề nghị khen thưởng cấp nhà nước theo quy định hiện hành;

b) Đối với phong trào thi đua do Bộ, ban ngành Trung ương phát động, số lượng và tiêu chuẩn khen thưởng căn cứ vào Kế hoạch của Bộ, ban, ngành Trung ương.

3. Đối với phong trào thi đua nhân kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập của tỉnh, hoặc của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương:

a) Đối với phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động nhân kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập của tỉnh vào năm lẻ 5 (*năm có chữ số cuối cùng là 5*), năm tròn (*năm có chữ số cuối cùng là 0*): thành phần, số lượng khen thưởng thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đối với phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương phát động nhân kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương vào năm tròn (*năm có chữ số cuối cùng là 0*): số lượng đề nghị khen thưởng không quá 03 tập thể, 05 cá nhân; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có thời gian tham gia đóng góp đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương ít nhất 2/3 thời gian và không vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức.

4. Đối với phong trào thi đua trong nhiệm kỳ đại hội:

a) Đối với phong trào thi đua trong nhiệm kỳ đại hội của các tổ chức: Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể, 10 cá nhân; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có thời gian tham gia đóng góp ít nhất 2/3 nhiệm kỳ đại hội;

b) Đối với phong trào thi đua khi kết thúc nhiệm kỳ đại hội của Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phần, số lượng khen thưởng thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Đối với phong trào thi đua triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên (*dưới 05 năm không xét khen thưởng, trừ trường hợp có quy định riêng của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương*):

a) Đối tượng khen thưởng hướng đến người lao động và ở cơ sở trong phạm vi toàn tỉnh;

b) Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 03 tập thể, 05 cá nhân;

c) Tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có thời gian tham gia đóng góp ít nhất 2/3 thời gian triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án và không vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức;

d) Không trình khen thưởng cấp Nhà nước khi thực hiện sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, đề án (*trừ trường hợp có quy định riêng của cấp có thẩm quyền ở Trung ương*).

6. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích trong công tác an sinh xã hội hàng năm: các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể có mức đóng góp từ 100 triệu đồng trở lên, đối với cá nhân hoặc hộ gia đình có mức đóng góp từ 50 triệu đồng

trở lên; mức đóng góp được tính cộng dồn nhiều lần trong 01 năm; việc trao tặng bằng khen thực hiện vào ngày 17/10 hàng năm (Ngày vì người nghèo).

7. Tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thành tích xuất sắc trong kỳ thi, hội thi:

a) Đối với các kỳ thi, hội thi, hội diễn do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức: cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương làm nhiệm vụ thường trực trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đạt giải nhất, giải nhì hoặc tương đương;

b) Đối với các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi và đạt được Huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, giải nhì, giải ba;

c) Đối với các kỳ thi giải Quốc tế, giải khu vực Châu Á, Đông Nam Á, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia thi đấu đạt Huy chương vàng, bạc, đồng, giải khuyến khích hoặc hạng nhất, nhì, ba và khen thưởng Huấn luyện viên, giáo viên hướng dẫn của các cá nhân đạt giải đó;

d) Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP được xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng.

8. Đối với việc khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề):

a) Trong 01 năm không đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen quá 02 lần cho một tập thể hoặc một cá nhân;

b) Không đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Bộ, ban, ngành, Đoàn thể Trung ương hoặc Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cùng một thành tích đạt được.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA,

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

TỔ CHỨC PHÁT ĐỘNG THI ĐUA

Điều 6. Hình thức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

Hình thức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Điều 7. Cách thức tổ chức phát động thi đua

1. Trên cơ sở mục tiêu phấn đấu nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua thường xuyên, phong trào thi đua theo đợt (*hoặc chuyên đề*) trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Căn cứ nội dung phong trào thi đua do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức phát động phong trào thi đua thuộc phạm vi quản lý theo các nội dung cụ thể sau:

a) Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm cấp bách đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương;

b) Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của các phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết;

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, tạo mọi điều kiện để thu hút nhiều đối tượng tham gia. Nâng cao vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến phải là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 8. Đăng ký thi đua

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương: Hàng năm tổ chức cho các cá nhân, tập thể thuộc phạm vi quản lý đăng ký phấn đấu các nội dung, chỉ tiêu thi đua, danh hiệu thi đua và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua đến cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

Trên cơ sở ký kết giao ước thi đua, đăng ký các chỉ tiêu, tiêu chí thi đua, danh hiệu thi đua của các đơn vị thuộc, trực thuộc, cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương tổng hợp đăng ký thi đua gửi Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (*Ban Thi đua - Khen thưởng*).

2. Trường các cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức: Hàng năm tổ chức ký kết giao ước thi đua, đăng ký phần đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua; các danh hiệu thi đua cho các đơn vị thành viên trong cụm, khối và gửi bản tổng hợp đăng ký thi đua tới Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (*Ban Thi đua - Khen thưởng*).

3. Đối với phong trào thi đua theo đợt (*hoặc chuyên đề*) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động nhằm hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm, đợt xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định trong năm thì việc đăng ký thi đua, đánh giá, tổng kết phong trào thi đua gắn với việc tổng kết nhiệm vụ công tác năm thi đua.

Căn cứ kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương xây dựng, đăng ký các mục tiêu, chỉ tiêu thi đua, giải pháp thực hiện và kết quả phần đấu đạt được các hình thức khen thưởng cụ thể, gửi Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) để theo dõi, tổng hợp.

4. Đối với các phong trào thi đua theo đợt (*hoặc chuyên đề*) do Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương phát động: Trên cơ sở kế hoạch của Bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung (*theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Điều 4 Quy định này*) gửi Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (*Ban Thi đua - Khen thưởng*) sau 05 ngày kể từ ngày triển khai kế hoạch của Trung ương.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương đó khi tham gia phong trào thi đua có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua theo quy định tại Điều 17, Khoản 3, Khoản 4 Điều 18 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 6 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền cùng cấp về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định tại Điều 19 Luật Thi đua, Khen thưởng; Điều 7 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

3. Cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, nêu gương và cổ động phong trào thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 13 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 8 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Mục 2

THẨM QUYỀN, TIÊU CHUẨN

XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 10. Các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương có thẩm quyền quyết định tặng các danh hiệu thi đua theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng, khoản 46 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Điểm a Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV, trong đó:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, Danh hiệu “Gia đình văn hoá” cho cá nhân, hộ gia đình thuộc quản lý của cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, gồm các danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Thôn văn hóa” và tương đương.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

Điều 11. Các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

1. Đối với cá nhân: Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

2. Đối với tập thể:

- a) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
- b) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”.

Điều 12. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cá nhân vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương; riêng đối với hệ thống giáo dục - đào tạo thực hiện vào dịp tổng kết năm học;

b) Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân; thời gian xét tặng vào dịp tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương; đối với hệ thống giáo dục - đào tạo thực hiện vào dịp tổng kết năm học;

b) Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

c) Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

3. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho các tập thể tiêu biểu được lựa chọn trong số các tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ, đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Danh hiệu “Thôn văn hóa” và tương đương:

Danh hiệu “Thôn văn hóa” và tương đương được xét tặng theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 30 của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5. Danh hiệu “Gia đình văn hoá”:

Danh hiệu “Gia đình văn hoá” được xét tặng theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 29 của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 13. Đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

1. Danh hiệu: “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

a) Tiêu chuẩn xét tặng Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

b) Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng vào dịp tổng kết năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, Khen thưởng. Đối tượng xét tặng gồm các đơn vị không thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh gồm các đơn vị thuộc, trực thuộc: các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của Tỉnh uỷ; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao, Khu kinh tế và Ban Quản lý có tên gọi khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh không thuộc hệ thống công đoàn theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 46 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; các doanh nghiệp Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý; các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp (*nắm giữ trên 50% vốn điều lệ*);

b) Đối với cấp huyện gồm các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc của huyện uỷ, thành uỷ; các phòng và cơ quan tương đương phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; *Quỹ tín dụng nhân dân*;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Khoa, phòng và tương đương thuộc, trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc trực thuộc cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh; phòng, khoa và tương đương của: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm y tế tuyến huyện.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể thuộc các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức;

b) Tập thể được xét tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” là tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc nhất, dẫn đầu cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức và đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 của Luật Thi đua, Khen thưởng;

c) Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất để được xét tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” phải do cụm, khối thi đua đánh giá, bình xét và đề nghị khen thưởng theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Khoản 8 Điều 4 quy định này.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định tặng các hình thức khen thưởng

1. Hình thức giấy khen:

Do Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng cho tập thể, cá nhân theo quy định tại Khoản 41 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

2. Hình thức bằng khen:

a) Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định tặng cho tập thể, cá nhân theo quy định tại Khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

b) Do Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng cho tập thể, cá nhân theo quy định tại Điều 78 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 15. Các loại hình khen thưởng

Các loại hình khen thưởng nêu tại Điều 13 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP gồm:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề).

3. Khen thưởng đột xuất.
4. Khen thưởng quá trình công hiến.
5. Khen thưởng theo niên hạn.
6. Khen thưởng đối ngoại.

Điều 16. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương

1. Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương được tặng theo đợt (*hoặc chuyên đề*) hoặc đột xuất cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý và tặng cho gia đình theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình thực hiện theo quy định tại Khoản 42 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xét tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân, Hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương có giá trị dưới 100 triệu đồng (*đối với tập thể*), dưới 50 triệu đồng (*đối với cá nhân, Hộ gia đình*). Mức đóng góp cụ thể của tập thể, cá nhân và hộ gia đình để làm căn cứ xét khen thưởng do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định.

Điều 17. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt được thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh Kon Tum, các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương phát động hoặc do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh phát động có thời gian từ 3 năm trở lên theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 của Quy định này. Cá nhân được đề nghị khen thưởng phải tham gia ít nhất từ 2/3 thời gian tổ chức phong trào trở lên trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào thi đua;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh hoặc lập được thành tích xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà cá nhân phải đảm nhiệm như: dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước; lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 5 của Quy định này;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận, được áp dụng thực tiễn và đạt hiệu quả cao trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương;

b) Công nhân có từ 01 sáng kiến trở lên mang lại lợi ích có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ 05 lượt hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho tối thiểu 10 lao động.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do tỉnh Kon Tum, các bộ, ban ngành, đoàn thể Trung ương phát động; hoặc do các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh phát động có thời gian từ 3 năm trở lên theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 4 và Khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể phải đảm nhiệm trên các lĩnh vực: An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; phòng chống cháy, nổ; phòng, chống bão lụt, cứu hộ, cứu nạn và trong một số lĩnh vực khác, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong toàn tỉnh hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia, khu vực hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 của Quy định này;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cấp ủy đảng có thẩm quyền công nhận đảng bộ, chi bộ “Trong sạch vững mạnh” hàng năm, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật đối với mọi thành viên trong tập thể;

d) Có nhiều đóng góp trong công tác an sinh xã hội đối với địa phương có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân, hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân là người Việt Nam ở ngoài tỉnh và ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có công đóng góp lớn cho sự phát triển của tỉnh Kon Tum trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Điều 18. Đối tượng, tiêu chuẩn xét đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Đối tượng, tiêu chuẩn xét đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Chương IV

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG;
QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG; THỜI GIAN ĐĂNG KÝ THI ĐUA,
TRÌNH HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH HỒ SƠ
VÀ THÔNG BÁO KẾT QUẢ KHEN THƯỞNG**

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG

Điều 19. Thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78, Khoản 2 Điều 80 của Luật Thi đua, Khen thưởng và Khoản 45, Khoản 46 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 43 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó theo quy định tại Điều 81 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 20. Tổ chức trao tặng

1. Việc công bố trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cấp Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ; riêng việc trao tặng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, ngoài việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP, việc tổ chức trao tặng còn phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Việc tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để biểu dương, tôn vinh những điển hình tiên tiến phải tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý trong dịp tổ chức hội nghị tổng kết năm công tác của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương hoặc lồng ghép vào các hội nghị, các lễ kỷ niệm có nội dung liên quan để tiết kiệm chi phí và thời gian.

3. Việc công bố quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện như sau:

a) Tại hội nghị do Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền tổ chức, đại diện Lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng thực hiện việc công bố quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp tỉnh;

b) Tại hội nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương, việc công bố quyết định trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Ban Tổ chức hội nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thực hiện.

Mục 2

THẨM QUYỀN, QUY TRÌNH XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 21. Thẩm quyền xét đề nghị khen thưởng

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng: Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước; đề nghị Chính phủ quyết định tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng Bằng khen, Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” theo quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng Bằng khen cho tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý (*thành tích chuyên đề và đột xuất*).

3. Cụm, khối thi đua do tỉnh tổ chức:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng: Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho đơn vị thành viên cụm, khối thi đua;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chính phủ quyết định tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua;

c) Riêng việc xét tặng Danh hiệu “Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đơn vị thành viên khối thi đua thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo (*kể cả đơn vị ngành Giáo dục và Đào tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*) do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh làm đầu mối tổng hợp, thẩm định và trình hồ sơ xét tặng.

4. Sở Ngoại vụ tỉnh:

a) Làm đầu mối tổng hợp, thẩm định hồ sơ, phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định tặng thưởng Huân chương hữu nghị, Huy chương hữu nghị theo quy định;

b) Tham gia ý kiến về đối tượng là tổ chức nước ngoài, cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc theo quy định.

6. Liên đoàn Lao động tỉnh làm đầu mối tổng hợp, thẩm định hồ sơ:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen cho công nhân có đủ tiêu chuẩn được quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 17 Quy định này;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương lao động các hạng, Danh hiệu Anh hùng lao động và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng thưởng Bằng khen cho công nhân theo quy định.

7. Hội Nông dân tỉnh làm đầu mối tổng hợp, thẩm định hồ sơ:

a) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng Bằng khen cho nông dân có đủ tiêu chuẩn được quy định tại Điểm a, c, Khoản 2, Điều 17 Quy định này;

b) Xét và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tặng thưởng Huân chương lao động các hạng, Danh hiệu Anh hùng lao động và đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng thưởng Bằng khen cho nông dân theo quy định.

Điều 22. Quy trình xét khen thưởng cấp tỉnh

1. Việc xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích **xuất sắc tiêu biểu phải được thực hiện từ cơ sở; phải căn cứ vào kết quả đánh giá các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao của đơn vị; kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, viên chức cuối năm của đơn vị theo phân cấp quản lý.**

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và của cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khen thưởng. Riêng đối với Danh hiệu "Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" và Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" - đối tượng đủ tiêu chuẩn phải được thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo quy chế hoạt động của Hội đồng trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.

Điều 23. Quy trình xét khen thưởng cấp nhà nước

1. Quy trình xét trình các hình thức khen cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

2. Đối tượng đủ tiêu chuẩn được trình khen thưởng cấp nhà nước phải được thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoặc Thường trực Tỉnh ủy) theo quy định hiện hành.

Mục 3

THỜI GIAN KHEN THƯỞNG

Điều 24. Đăng ký danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Trước ngày 28 tháng 2 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

2. Trước ngày 28 tháng 2 hàng năm, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đăng ký xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trước ngày 25 tháng 10 hàng năm, ngành Giáo dục và Đào tạo đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 25. Thời điểm trình hồ sơ khen thưởng

1. Thời điểm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được hàng năm trình chậm nhất vào ngày 31/3 hàng năm (trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại), đối với hệ thống giáo dục đào tạo trình trước ngày 05/8 hàng năm; riêng đối với Danh hiệu Cờ "thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh" trình cùng với thời gian trình Danh hiệu "Cờ Thi đua của Chính phủ" được quy định tại Điểm b Khoản 2 của điều này;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề), khen đạt thành tích cao trong cuộc thi trình trước ngày tổ chức hội nghị hoặc ngày tổ chức trao giải ít nhất 10 ngày làm việc.

2. Thời điểm các đơn vị, địa phương trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) xét trình hồ sơ khen thưởng cấp nhà nước như sau:

a) Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trình trong tuần thứ tư của tháng 9 hàng năm;

b) Hồ sơ đề nghị Chính phủ tặng Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” trình trong tuần thứ tư của tháng 2 hàng năm; đối với hệ thống giáo dục đào tạo trình trong tuần thứ hai của tháng 9 hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được cấp nhà nước trình trong tuần thứ nhất của tháng 5 hàng năm (*trừ trường hợp khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và khen thưởng đối ngoại*); đối với hệ thống giáo dục đào tạo trình trong tuần thứ hai của tháng 9 hàng năm;

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến trình trước khi cá nhân nghỉ chế độ 7 tháng;

e) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước phong tặng Danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” trình chậm nhất vào ngày 30/12 của năm trước liền kề năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc.

3. Ngoài thời điểm trình hồ sơ khen thưởng như đã quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này, Ban Thi đua - Khen thưởng chỉ tiếp nhận, thẩm định và trình hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích theo chuyên đề, thành tích trong hoạt động đối ngoại và các hình thức khen thưởng đặc thù khác hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Điều 26. Thời gian thông báo kết quả khen thưởng

1. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

a) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, Ban Thi đua - Khen thưởng sao quyết định và thông báo kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Sau khi nhận được hiện vật khen thưởng cấp nhà nước từ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, trong **thời hạn 05 ngày làm việc**, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết, liên hệ nhận hiện vật khen thưởng để trao tặng cho các trường hợp được khen thưởng.

2. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh:

Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, trong **thời hạn 10 ngày làm việc**, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo

cho đơn vị trình khen thưởng biết, liên hệ nhận hiện vật khen thưởng để trao tặng cho các trường hợp được khen thưởng.

3. Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của đơn vị trình, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng.

Chương V

THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT TẶNG

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 27. Thủ tục, hồ sơ đề nghị

1. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Khoản 47 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Điều 45 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP;

2. Thủ tục, hồ sơ xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Khoản 48 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và các quy định từ Điều 49 đến Điều 57 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Số lượng hồ sơ trình khen thưởng:

a) Đối với hồ sơ trình khen thưởng cấp nhà nước: Ngoài số lượng hồ sơ đề Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại các điều, khoản nêu tại Khoản 2 điều này, các đơn vị, địa phương có trách nhiệm bổ sung báo cáo thành tích và các chứng nhận liên quan đến thành tích của các tập thể, cá nhân được trình khen thưởng theo số lượng: 04 bộ đối với Thủ trưởng và đối với các tập thể là các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và tương đương, 03 bộ đối với các tập thể, cá nhân khác còn lại để thực hiện quy trình xét, đề nghị khen thưởng và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành;

b) Hồ sơ trình khen thưởng cấp tỉnh, kể cả việc đề nghị khen thưởng theo thủ tục giản đơn gồm 02 bộ chính.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn cụ thể về hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh.

Điều 28. Quy định về tuyển trình khen thưởng

Tuyển trình khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều

Điều 29. Quy định về hiệp y khen thưởng

1. Việc hiệp y khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 47 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định nêu tại Khoản 1 điều này, khi xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh ("*Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh*", "*Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh*", *Bằng khen*) cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương đó phải có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về kết quả hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương được trình khen thưởng; đối với đơn vị sản xuất kinh doanh có thêm nội dung về việc thực hiện chế độ bảo hiểm cho công nhân, người lao động; đảm bảo môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh và an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm; đối với khen thưởng đối ngoại cấp tỉnh phải lấy ý kiến của Sở Ngoại vụ và cơ quan liên quan theo quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của tỉnh Kon Tum.

3. Việc lấy ý kiến hiệp y khen thưởng cấp tỉnh và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về các nội dung hiệp y theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương do Ban Thi đua - Khen thưởng tham mưu thực hiện.

4. Khi có văn bản xin ý kiến của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Sau 05 ngày làm việc, nếu không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tiến hành các thủ tục trình khen thưởng; Thủ trưởng cơ quan được xin ý kiến hiệp y chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 30. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Mục 1

NGUỒN HÌNH THÀNH, VIỆC SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn hình thành, mức trích và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn hình thành và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội; của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp; của các doanh nghiệp nhà nước; của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế (*trừ các doanh nghiệp nhà nước*) và của các hợp tác xã nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng và trong các lĩnh vực khác thực hiện theo quy định từ Khoản 2 đến Khoản 7 Điều 65 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính; Mức trích quỹ thi đua khen thưởng hàng năm của các đơn vị, địa phương phù hợp với điều kiện và khả năng cân đối ngân sách của đơn vị, địa phương.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã ... trên địa bàn tỉnh dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua, chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới và đối với Danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và được sử dụng để chi cho các nội dung nêu tại các điểm: a, b, d của Khoản 1 Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các tập thể, cá nhân được khen thưởng ngoài việc được công nhận và được tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kèm theo hiện vật khen thưởng còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 66 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

4. Sở Tài chính phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn nội dung chi cụ thể trong mức trích 20% tổng số Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp.

Điều 32. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan quản lý nhà nước về Thi đua - Khen thưởng cấp đó phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 67 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Mục 2

MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI

Điều 33. Nguyên tắc tính tiền thưởng

Điều 34. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được tặng thưởng: các danh hiệu thi đua; huân chương, huy chương các loại; các danh hiệu vinh dự nhà nước; “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và của bằng khen, giấy khen thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với các trường hợp được khen thưởng về thành tích xuất sắc đột xuất ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm, ngoài mức tiền thưởng nêu tại Khoản 1 Điều này thì tùy theo phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương, tập thể, cá nhân được khen thưởng còn được nhận tiền thưởng kèm theo tối đa không quá ba lần mức tiền thưởng của danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tương ứng. Ban Thi đua - Khen thưởng và đơn vị trình khen thưởng phối hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi cụ thể đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng.

3. Đối với người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì được tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Trong thi đua, khen thưởng, cá nhân, tập thể có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 87, Điều 88, Điều 89, Điều 98 của Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 76, 77 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 36. Trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng làm báo cáo thành tích và hồ sơ có liên quan theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thành tích

và các nội dung liên quan đến việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước của cá nhân, tập thể trong báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ trình cấp có thẩm quyền khen thưởng, gồm: Hồ sơ, thủ tục, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước khi xác nhận thành tích và trình khen thưởng cho các tập thể, cá nhân.

Điều 37. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu vi phạm quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 96 của Luật Thi đua, khen thưởng; Khoản 1 Điều 78 và Khoản 1 Điều 79 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định khen thưởng, tước danh hiệu vinh dự nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 78, Điều 79 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương VIII

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, THÀNH PHẦN

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 38. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Chức năng, thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 63 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Hội đồng thi đua, khen thưởng tỉnh kiện toàn hội đồng; sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng theo quy định hiện hành.

Điều 39. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là cơ quan tham mưu cho thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Hội đồng có 01 Phó Chủ tịch; Thư ký hội đồng là Trưởng phòng, ban thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh phụ trách công tác thi đua khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó và các ủy viên.

3. Số lượng thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh do Chủ tịch Hội đồng quyết định nhưng không quá 10 thành viên. Riêng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có từ 10 đơn vị trực thuộc trở lên thì số lượng thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh không quá 13 thành viên.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Phòng, ban được giao làm nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó là Thường trực của Hội đồng.

Điều 40. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Hội đồng có từ 2 đến 3 Phó Chủ tịch, trong đó: Phó Chủ tịch thứ nhất là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phó Chủ tịch thường trực là Trưởng phòng Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch khác do Chủ tịch hội đồng quyết định;

c) Các Ủy viên hội đồng là: Trưởng Công an, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng Ban Tổ chức, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Liên đoàn Lao động, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch hội Liên hiệp phụ nữ cấp huyện; Ủy viên khác do Chủ tịch hội đồng quyết định.

3. Số lượng thành viên Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp huyện không quá 13 thành viên.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và trong từng giai đoạn ở địa phương;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng ở địa phương;

d) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

5. Phòng Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công tác quản lý Nhà nước về thi đua, khen thưởng trên địa bàn theo quy định nêu tại Mục 1 Chương V của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh, huyện; các cụm, khối thi đua và đơn vị thành viên; các cơ quan Trung

kỳ, đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo.

3. Tổ chức quán triệt Quy định này trong đội ngũ công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng. Năm tình hình, tổ chức trao đổi kinh nghiệm nhằm triển khai thực hiện thống nhất theo quy định.

4. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn việc xét, đề nghị khen thưởng cho các đối tượng được quy định tại Điều 17 Quy định này.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của doanh nghiệp theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh thủ tục hành chính về lĩnh vực thi đua, khen thưởng được quy định tại Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum Về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa ngành Nội vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum cho phù hợp với các nội dung về thủ tục hồ sơ và thời gian giải quyết tại Quy định này.

Điều 42. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh

Chủ trì hướng dẫn thống nhất việc xét, công nhận sáng kiến; xét công nhận tác dụng, ảnh hưởng của sáng kiến theo quy định hiện hành làm cơ sở cho việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Điều 43. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trong việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo đúng quy định hiện hành.

2. Thực hiện việc phân bổ, cấp phát kinh phí khen thưởng kịp thời để trao thưởng cho các tập thể, cá nhân theo quy định.

Điều 44. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương thuộc tỉnh, huyện; các cụm, khối thi đua và đơn vị thành viên; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh:

1. Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng ở cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương mình;

2. Gửi báo cáo đăng ký thi đua, trình hồ sơ đề nghị khen thưởng, hồ sơ đề nghị hiệp y khen thưởng cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng).

3. Quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời phản ánh vướng mắc về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của tỉnh.

Điều 45. Hiệu lực thi hành

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương trên địa bàn tỉnh và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này. /ia

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa
Nguyễn Văn Hòa